

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Ngày 20/4/2020, Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 594/STC-QLNS ngày 17/4/2020 của Sở Tài chính về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2020 (*dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*), sau khi nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH VĂN BẢN

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;
- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông (*viết tắt là Nghị định số 83/2018/NĐ-CP*);
- Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện hoạt động khuyến nông (*viết tắt là Nghị định số 83/2018/NĐ-CP*);
- Một số văn bản, tài liệu khác có liên quan.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH (Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với các quy định trong văn bản đã giao quy định chi tiết)

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

Chương II Mục 2 Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC quy định:

“Mục 2. NỘI DUNG CHI, MỨC CHI HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG ĐỊA PHƯƠNG

Điều 10. Nội dung chi, mức chi

Căn cứ quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và nội dung chi, mức chi quy định tại Mục 1 Chương II của Thông tư này¹, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương và đạt được mục tiêu của khuyến nông ở địa phương”.

Căn cứ quy định nêu trên, việc tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết và có cơ sở.

2. Dự thảo Nghị quyết

2.1. Qua nghiên cứu nhận thấy có một số nội dung chi, mức chi được quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP, Thông tư số 75/2019/TT-BTC nhưng không được quy định tại dự thảo Nghị quyết, đề nghị nghiên cứu làm rõ các vấn đề này tại dự thảo Tờ trình khi trình UBND tỉnh.

Một số nội dung tại dự thảo Nghị quyết như điểm a, điểm b khoản 2 Điều 4, điểm c khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6 quy định là “*Hỗ trợ*” nhưng theo khoản 2, khoản 3 Điều 5, điểm b khoản 3 Điều 6, khoản 2 Điều 7 Thông tư số 75/2019/TT-BTC quy định là “*Mức chi*”, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa cho phù hợp.

2.2. Điều 3 (Chi bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo)

- Điều này chưa thể hiện nội dung chi, đề nghị bổ sung để bảo đảm phù hợp với khoản 1 Điều 4 Thông tư số 75/2019/TT-BTC; thống nhất với phạm vi điều chỉnh dự thảo Nghị quyết.

- Điểm b quy định: “*b) Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ:*

Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 của HĐND tỉnh; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, tổ dân phố thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo không bố trí chỗ ở cho người học, được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 của HĐND tỉnh”.

Tuy nhiên, gạch đầu dòng thứ hai, điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư số 75/2019/TT-BTC quy định:

¹ Mục 1 Chương II Thông tư số 75/2019/TT-BTC quy định “*Nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông Trung ương*”.

“d) Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ:

... - Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ:

+ Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính”.

Như vậy, theo quy định tại gạch đầu dòng thứ hai, điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư số 75/2019/TT-BTC thì không có “tổ dân phố” thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, đề nghị chỉnh sửa cho phù hợp.

2.3. Điều 4 (Chi thông tin tuyên truyền)

- Khoản 2, điểm đ quy định “Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: Hỗ trợ kinh phí thuê đường truyền, mua phần mềm, cập nhật số liệu, bảo trì, bảo mật và các khoản chi khác (nếu có)”, tuy nhiên, nội dung chi là “chi” ứng dụng công nghệ thông tin nhưng mức chi là “hỗ trợ”, đề nghị chỉnh sửa thống nhất và bổ sung định mức hỗ trợ là bao nhiêu?.

- Khoản 2 Điều này quy định “mức hỗ trợ” nhưng tại điểm đ Khoản này quy định cả “mức chi” là chưa thống nhất. Hơn nữa, đề nghị xem ý kiến thẩm định tại Mục 2.1 Báo cáo này để chỉnh sửa chính xác nội dung nào là mức chi, nội dung nào là mức hỗ trợ cho phù hợp với Điều 6 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

2.4. Điều 5 (Chi xây dựng và nhân rộng mô hình)

Khoản 2, điểm a, khổ cuối quy định “Trường hợp đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ đồng thời thuộc đối tượng áp dụng chính sách cùng loại thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó”, đề nghị bố cục nội dung nêu trên theo hướng thiết kế bổ sung một điều mới quy định “nguyên tắc áp dụng”, đồng thời đưa khoản 1, khoản 2 Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh) của dự thảo Nghị quyết về Điều mới này.

2.5. Điều 7 (Chi hợp tác quốc tế về khuyến nông), quy định: “Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức hợp tác quốc tế về khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Nghị định số

83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”, tuy nhiên, Điều này chưa quy định rõ mức chi hợp tác quốc tế về khuyến nông, đề nghị nghiên cứu bổ sung.

2.6. Điều 8 (Nguồn kinh phí thực hiện), quy định: “Ngân sách cấp tỉnh bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến nông do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện; Ngân sách cấp huyện đảm bảo kinh phí cho các hoạt động khuyến nông do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện”. Như vậy, chỉ có Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã là đối tượng thực hiện các hoạt động khuyến nông, đề nghị nghiên cứu, rà soát đối tượng thực hiện hoạt động khuyến nông để đảm bảo đầy đủ, tránh bỏ sót đối tượng.

3. Thể thức, kỹ thuật soạn thảo

Đề nghị rà soát chỉnh sửa lỗi chính tả, thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo văn bản theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, như: căn cứ ban hành cuối cùng, đề nghị sửa từ “*ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp*” thành “*ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp*”; khi viện dẫn áp dụng văn bản: đối với văn bản được dẫn chiếu nhiều lần thì lần đầu phải quy định đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản, đồng thời quy định viết tắt cho lần đầu viện dẫn đến văn bản đó; đối với văn bản không quy định viết tắt, đề nghị quy định đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản; địa chỉ nơi nhận, đề nghị bổ sung “*Vụ pháp chế, Bộ Tài chính*” và sắp xếp địa chỉ nơi nhận theo thứ tự pháp lý...

III. KẾT LUẬN

Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến thẩm định nêu tại Phần II Báo cáo thẩm định này, sau khi hoàn chỉnh, dự thảo văn bản đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
 - Sở Tài chính;
 - Giám đốc Sở;
 - Trang TTĐT STP;
 - Lưu VT, XDKTTHPL&PBGDPL.
- Loan.2b.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thuộc